ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2008/QĐ-UBND	*Đà Lạt, ngày 29 tháng 8 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương; Thông tư số 139/2007/TT-BTC ngày 29/11/2007 của Bộ Tài chính, hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và Quyết định số 07/2008/QĐ-BTC ngày 29/01/2008 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Thực hiện Nghị quyết số 103/2008/NQ-HĐND ngày 11/7/2008 của HĐND tỉnh khóa VII kỳ họp thứ 12 về việc thông qua Đề án Thành lập Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Điều lệ tổ chức và hoạt động này áp dụng cho Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng. Hội đồng quản lý và Ban Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng có nhiệm vụ triển khai thực hiện Điều lệ này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(*Đã ký*)

Huỳnh Đức Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định 138/2007/NĐ-CP).

Điều 1. Giải thích một số thuật ngữ

1. "Vốn điều lệ" là vốn ghi trong Điều lệ này.

2. "Vốn điều lệ thực có" là số vốn điều lệ phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ.

3. "Người có liên quan" là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ.

Điều 2. Thông tin chung về Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng

1. Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là Quỹ) là một tổ chức tài chính Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 35/2008/QĐ-UBND ngày 29/8/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng, nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng.

2. Địa vị pháp lý của Quỹ được quy định tại Khoản 1 - Điều 3 của Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

3. Vốn điều lệ của Quỹ: 100.000.000.000 đồng.

4. Địa chỉ trụ sở của Quỹ: số 03 Chu Văn An, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

5. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng.

6. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Lam Dong Development and Investment Fund.

Tên giao dịch viết tắt: Lam Dong DIF.

Điều 3. Tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, bảo đảm an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Điều 5. Các tổ chức Đảng, đoàn thể

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các đoàn thể của Quỹ hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ của tổ chức đoàn thể và các quy định khác của pháp luật.

Điều 6. Quản lý Nhà nước đối với Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng

1. UBND tỉnh Lâm Đồng trực tiếp quản lý hoạt động của Quỹ và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

2. Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh Lâm Đồng có trách nhiệm trực tiếp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và thực hiện một số nhiệm vụ khác có liên quan theo ủy quyền của UBND tỉnh Lâm Đồng.

3. Quỹ chịu sự quản lý Nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

Chương II
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 7. Chức năng của Quỹ

1. Tiếp nhận vốn ngân sách của tỉnh Lâm Đồng, vốn tài trợ, viện trợ, huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn thực hiện các dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng.

2. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác; phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của UBND tỉnh Lâm Đồng để huy động vốn cho ngân sách tỉnh Lâm Đồng.

3. Nhận ủy thác quản lý hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển nhà ở và một số Quỹ khác do UBND tỉnh Lâm Đồng thành lập.

4. Thực hiện đầu tư trực tiếp vào các dự án, cho vay đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp; ủy thác cho vay đầu tư, thu hồi nợ theo quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

Điều 8. Nhiệm vụ của Quỹ

Ngoài các nhiệm vụ quy định tại Điều 33 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP, Quỹ còn thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn; đảm bảo an toàn và phát triển vốn; tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro.

2. Đầu tư đúng quy định, đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả; thu hồi kịp thời, đầy đủ cả nợ gốc và nợ lãi.

3. Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với tổ chức, cá nhân đã cho Quỹ vay vốn.

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định hiện hành.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng và Bộ Tài chính.

6. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do UBND tỉnh Lâm Đồng giao.

Điều 9. Quyền hạn của Quỹ

Ngoài các quyền hạn quy định tại Điều 34 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP, Quỹ còn có các quyền hạn sau:

1. Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ.

2. Được tổ chức hoạt động kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP và Điều lệ này.

3. Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao; khai thác các nguồn lực nhằm tăng nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ.

4. Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, theo đúng pháp luật Việt Nam.

5. Được lựa chọn các dự án thuộc đối tượng, có hiệu quả để quyết định đầu tư. Trường hợp đặc biệt do UBND tỉnh Lâm Đồng quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Được đầu tư vào các dự án với tư cách là chủ đầu tư hoặc đồng chủ đầu tư; cho vay hoặc hợp vốn cho vay đối với các dự án; góp vốn thành lập doanh nghiệp; ủy thác và nhận ủy thác theo quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP. Được cử người đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn.

7. Có quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định đầu tư, cho vay; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án.

8. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp.

9. Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ, tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay, đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.

10. Được đình chỉ việc đầu tư, cho vay, góp vốn; thu hồi các khoản đầu tư trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dung vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.

11. Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, cung cấp vốn nếu xét thấy trái pháp luật, Điều lệ hoạt động của Quỹ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.

12. Được ban hành các quy chế, quy trình hoạt động để làm căn cứ triển khai hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của Quỹ trong từng thời kỳ.

13. Được tuyển dụng, thuê mướn, bố trí, sử dụng và đào tạo cán bộ; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

14. Được cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

15. Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Chương III
HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LÂM ĐỒNG

Điều 10. Huy động vốn

1. Quỹ được huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư cho các dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước, bao gồm:

a) Vay các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng vay vốn. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về vay nợ nước ngoài.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng theo quy định của pháp luật.

c) Các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ không được huy động vốn ngắn hạn.

3. Giới hạn huy động vốn của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 28 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

4. Trường hợp huy động vốn cho ngân sách tỉnh Lâm Đồng được thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và UBND tỉnh Lâm Đồng và không tính vào nguồn vốn huy động của Quỹ.

Điều 11. Đầu tư trực tiếp vào các dự án

1. Đối tượng, điều kiện, phương thức, hình thức đầu tư trực tiếp vào các dự án thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9-Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

2. Giới hạn đầu tư trực tiếp thực hiện theo quy định tại Khoản 1-Điều 25-Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

3. Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do UBND tỉnh Lâm Đồng quyết định.

4. Mức vốn đầu tư đối với một dự án từ 2% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

5. Mức vốn đầu tư đối với một dự án đến dưới 2% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.

Điều 12. Cho vay đầu tư

1. Đối tượng, điều kiện, thời hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 14 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

2. Lãi suất cho vay vốn đối với từng dự án cụ thể do người quyết định cho vay quyết định nhưng phải đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 15 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP và khung lãi suất cho vay đầu tư do Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.

3. UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt khung lãi suất cho vay đầu tư trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ và thông báo cho Bộ Tài chính.

4. Giới hạn cho vay đối với một dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 2 - Điều 25 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

5. Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ do UBND tỉnh Lâm Đồng quyết định.

6. Mức vốn cho vay đối với một dự án từ 3% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

7. Mức vốn cho vay đối với một dự án đến dưới 3% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.

8. Bảo đảm tiền vay: Căn cứ vào đặc điểm của từng dự án đầu tư, Quỹ lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay sau đây:

a) Cầm cố, thế chấp tài sản của chủ đầu tư;

b) Cầm cố, thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay;

c) Bảo lãnh của bên thứ ba;

d) Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

9. Hợp vốn cho vay: thực hiện theo quy định tại Điều 17-Nghị định 138/2007/NĐ-CP và Điều lệ này.

10. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư thực hiện theo quy định áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

11. Xử lý rủi ro thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20 của Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

Điều 13. Góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế

1. Việc góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế thực hiện theo quy định tại Điều 21 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

2. Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do UBND tỉnh Lâm Đồng quyết định.

3. Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp từ 2% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

4. Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp đến dưới 2% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.

5. Giới hạn góp vốn thành lập tổ chức kinh tế thực hiện theo quy định tại Khoản 3 - Điều 25 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

6. Người quyết định cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn không được là người có liên quan với người được cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp đó.

Điều 14. Nhận ủy thác và ủy thác

Hoạt động nhận ủy thác và ủy thác thực hiện theo quy định Điều 23 và Điều 24 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

Chương IV
NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 15. Vốn hoạt động

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm vốn điều lệ thực có và các khoản tiền đóng góp tự nguyện, các khoản viện trợ, tài trợ ... theo quy định tại Khoản 1 - Điều 26 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

2. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ theo quy định tại Khoản 2 - Điều 26 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

3. Vốn huy động, giới hạn huy động vốn của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

Điều 16. Vốn nhận ủy thác

1. Vốn nhận ủy thác từ ngân sách Nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước thực hiện theo quy định tại Điều 23 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

2. Vốn nhận ủy thác không thuộc vốn hoạt động của Quỹ.

Chương V
TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ

Điều 17. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có từ 03 đến 05 thành viên; mỗi thành viên này được gọi là một ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Trong số các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ, 01 ủy viên là Lãnh đạo Sở Tài chính giữ chức Chủ tịch; 01 ủy viên khác là Giám đốc Quỹ giữ chức Phó Chủ tịch, hoặc ủy viên Hội đồng quản lý.

3. Ngoại trừ Giám đốc Quỹ kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý chuyên trách, tất cả các ủy viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ đều hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ nào khác trong Quỹ.

4. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ gồm: 01 Lãnh đạo Sở Tài chính, 01 Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Quỹ, 01 Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước tỉnh, 01 Lãnh đạo Sở Công Thương.

5. Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ phải có kiến thức, kinh nghiệm về tài chính, đầu tư vốn, quản trị doanh nghiệp. Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được là người có liên quan của nhau.

6. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Khoản 2 - Điều 36 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

7. Nhiệm kỳ của ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm; ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

8. Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tước bỏ năng lực hành vi dân sự.

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho cá nhân hoặc cho người khác, báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Quỹ.

d) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.

đ) Khi có quyết định xử lý kỷ luật của UBND tỉnh.

9. Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Xin từ chức.

b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

c) Không đảm bảo sức khoẻ đảm nhận công việc.

d) Khi có sự khiếm khuyết trong Hội đồng quản lý Quỹ vì những lý do khác.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 và Khoản 9 - Điều 37 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP, Hội đồng quản lý Quỹ còn có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý.

3. Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Trình UBND tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp.

6. Quyết định việc đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp; quyết định cử người đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp được Quỹ góp vốn trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp.

7. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế; xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh theo đề nghị của Giám đốc Quỹ; quyết định gia hạn nợ theo thẩm quyền; quyết định xoá nợ lãi cho vay đầu tư.

8. Thông qua đề nghị của Giám đốc Quỹ, ban hành Quy chế hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ; Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ; các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí gián tiếp; Quy

chế trả lương, các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ (bao gồm nhưng không giới hạn: Quy chế đầu tư trực tiếp, Quy chế cho vay đầu tư, Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp, Quy chế quản lý rủi ro, Quy chế thẩm định dự án, Quy chế huy động vốn, Quy chế bảo đảm tiền vay và một số quy chế khác thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Ban Giám đốc Quỹ) để làm căn cứ triển khai hoạt động của Quỹ, phù hợp với tình hình triển khai hoạt động thực tế của Quỹ trong từng thời kỳ.

9. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền.

10. Trình UBND tỉnh quyết định phương án biên chế, chế độ tiền lương, thưởng; phương thức tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ phù hợp với quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

11. Trên cơ sở quyết định của UBND tỉnh về phương thức tổ chức hoạt động của Quỹ, quyết định tổ chức các Phòng, Ban nghiệp vụ của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ theo nguyên tắc gọn nhẹ, hiệu quả.

12. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật.

13. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của UBND tỉnh nhưng không được trái với quy định của Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

Điều 19. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn, tài nguyên và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

3. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý.

4. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 20. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ

có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số ủy viên của Hội đồng tham dự. Ủy viên Hội đồng quản lý vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc một ủy viên khác được Chủ tịch ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt làm Chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các ủy viên Hội đồng quản lý tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi ủy viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số ủy viên trong Hội đồng có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của người Chủ tọa cuộc họp là quyết định cuối cùng. Ủy viên của Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp và được tất cả các ủy viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý có thể ủy quyền bằng văn bản cho một ủy viên Hội đồng quản lý ký thay.

7. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh thì vẫn phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 21. Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các ủy viên chuyên trách của Hội đồng quản lý được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng cho Công ty Nhà nước. Các ủy viên kiêm nhiệm của Hội đồng quản lý được hưởng phụ cấp trách nhiệm và tiền thưởng theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

Điều 22. Tổ chức Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát có từ 01 đến 03 thành viên, giúp Hội đồng quản lý giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ. Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Trưởng Ban Kiểm soát là thành viên của Ban Kiểm soát, do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 - Điều 30 của Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát hoạt động theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ngoài các nhiệm vụ quyền hạn quy định tại Khoản 1 - Điều 38 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP, Ban kiểm soát còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch UBND tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, thua lỗ hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi khác theo qui định hiện hành. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 24. Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau

1. Giám đốc là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

2. Ngoài các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Giám đốc Quỹ quy định tại Khoản 5 - Điều 39 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP, Giám đốc Quỹ còn có các nhiệm vụ quyền hạn sau:

a) Được phép đại diện cho Quỹ đối với các quan hệ trong và ngoài nước.

b) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

c) Xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng chiến lược, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý thông qua để trình UBND tỉnh phê duyệt.

d) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

đ) Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để làm căn cứ thực hiện.

e) Căn cứ các quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành, ban hành quy trình nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

g) Lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo thẩm quyền hoặc để trình UBND tỉnh quyết định.

h) Trên cơ sở cơ chế quản lý tài chính do Bộ Tài chính ban hành, xây dựng Quy chế lao động, tiền lương, khen thưởng, kỷ luật... áp dụng chung cho toàn Quỹ để trình Hội đồng quản lý phê duyệt.

i) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh, Sở Tài chính và Bộ Tài chính.

k) Đề nghị Hội đồng quản lý trình UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

l) Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, đào tạo cán bộ và quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Trưởng, Phó các phòng nghiệp vụ.

m) Thực hiện một số, nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

n) Giám đốc Quỹ phải đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 4 - Điều 30 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

Điều 25. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Quỹ, được phân công quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiễm Phó Giám đốc và Kế toán trưởng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 - Điều 39 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

3. Kế toán trưởng phải đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn; có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán.

3. Các Phó Giám đốc Quỹ phải đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 4 - Điều 30 - Nghị định 138/2007/NĐ-CP.

4. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh và trước pháp luật về phần việc được Giám đốc phân công phụ trách.

Điều 26. Bộ máy nghiệp vụ

1. Các bộ phận nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

2. Lãnh đạo các bộ phận nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật.

3. Lãnh đạo các bộ phận nghiệp vụ và cán bộ công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Chương VI
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Điều 27. Chế độ tài chính, kế toán

1. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.

2. Quỹ phải tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Chương VII
XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 28. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 29. Tổ chức, giải thể

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ Đầu tư phát triển do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị UBND tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ

Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này (nếu cần thiết)./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(*Đã ký*)

Huỳnh Đức Hòa